

CHÍNH PHỦ

Số: /2020/NĐ-CP

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĐÓNG HỌC PHÍ, CHI PHÍ SINH HOẠT ĐỐI VỚI HỌC SINH, SINH VIÊN SƯ PHẠM

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với học sinh, sinh viên sư phạm.

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với học sinh, sinh viên theo học ngành đào tạo giáo viên tại các học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp được phép đào tạo giáo viên (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo giáo viên).

2. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Học sinh, sinh viên theo học các ngành đào tạo giáo viên theo hình thức đào tạo chính quy, đào tạo bằng hai chính quy, đào tạo liên thông chính quy được giao nhiệm vụ đào tạo tại cơ sở đào tạo;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo học sinh, sinh viên sư phạm (sau đây gọi chung là cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ);

c) Các cơ sở đào tạo giáo viên được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao chỉ tiêu đào tạo đối với từng ngành đào tạo giáo viên tương ứng; cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

3. Nghị định này không áp dụng đối với học sinh, sinh viên sư phạm đào tạo theo chế độ cử tuyển, đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, đào tạo theo địa chỉ, học viên cao học, nghiên cứu sinh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Học sinh, sinh viên sư phạm sau khi tốt nghiệp công tác trong ngành giáo dục, bao gồm:*

- Công chức, viên chức và người lao động công tác, làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo; Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo);

- Công chức, viên chức và người lao động công tác, làm việc tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập; các cơ sở giáo dục khác được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động; các cơ quan nghiên cứu khoa học về giáo dục và đào tạo.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận làm việc trong ngành giáo dục gồm:

Các cơ quan, đơn vị quản lý công chức, viên chức được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Xây dựng kế hoạch đào tạo, đặt hàng, giao nhiệm vụ

1. Hằng năm, các địa phương căn cứ vào tình trạng thừa, thiếu giáo viên, xác định nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo giáo viên chi tiết cho từng bộ môn.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo giáo viên với cơ sở đào tạo giáo viên theo quy định chung tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các quy định cụ thể tại Nghị định này. Hợp đồng đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên giữa địa phương với các cơ sở đào tạo giáo viên phải căn cứ trên cơ sở nhu cầu và kế hoạch đào tạo giáo viên theo từng năm của địa phương.

3. Đơn giá thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo sư phạm được xác định bằng mức hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt quy định tại Điều 5 Nghị định này.

4. Cơ sở đào tạo giáo viên có trách nhiệm công khai mức thu học phí theo từng năm học và dự kiến cả khoá học, chi phí đào tạo, chuẩn đầu ra, tổ chức tuyển chọn và thực hiện hợp đồng đào tạo với địa phương có nhu cầu đặt hàng đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định.

Điều 4. Tuyển dụng học sinh, sinh viên sư phạm sau khi tốt nghiệp

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng giáo viên tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể cơ chế tuyển dụng học sinh, sinh viên sư phạm tốt nghiệp theo quy định của pháp luật để tuyển dụng công chức, viên chức và người lao động làm việc trong ngành giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

Chương 2

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VÀ BỒI HOÀN KINH PHÍ HỖ TRỢ TIỀN ĐÓNG HỌC PHÍ, CHI PHÍ SINH HOẠT

Điều 5. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ

1. Hỗ trợ tiền đóng học phí: Học sinh, sinh viên sư phạm được nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo giáo viên nơi học sinh, sinh viên sư phạm theo học nhưng tối đa không vượt mức trần học phí theo quy định của Chính phủ.

2. Hỗ trợ chi phí sinh hoạt: Học sinh, sinh viên sư phạm được nhà nước hỗ trợ 3,63 triệu đồng/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường. Mức hỗ trợ chi phí sinh hoạt được áp dụng thống nhất trong năm học và hàng năm được điều chỉnh theo tốc độ tăng của chỉ số giá tiêu dùng thực tế năm trước liền kề với năm học hiện tại do Nhà nước công bố.

3. Thời gian hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt theo số tháng thực tế học tập tại trường theo quy định, nhưng không quá 10 tháng/năm học.

Điều 6. Phương thức lập dự toán, chi trả kinh phí hỗ trợ

1. Lập dự toán: Căn cứ vào nhu cầu, kế hoạch đào tạo giáo viên của địa phương và các định mức hỗ trợ quy định tại Nghị định này, hằng năm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập dự toán kinh phí tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính để báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho học sinh, sinh viên sư phạm.

2. Chi trả kinh phí hỗ trợ:

Kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho học sinh, sinh viên sư phạm được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo tại các địa phương hằng năm theo các quy định hiện hành. Ngân sách trung ương sẽ hỗ trợ các địa phương khó khăn chưa cân đối được ngân sách.

Kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho học sinh, sinh viên sư phạm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chi trả trực tiếp cho cơ sở đào tạo giáo viên theo cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ.

Cơ sở đào tạo giáo viên có trách nhiệm chi trả trực tiếp tiền hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho học sinh, sinh viên sư phạm.

3. Nguồn kinh phí thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 7. Bồi hoàn kinh phí hỗ trợ

1. Sau khi tốt nghiệp, học sinh, sinh viên sư phạm công tác trong ngành giáo dục với thời gian tối thiểu gấp hai lần thời gian đào tạo (kể từ ngày được tuyển dụng) sẽ không phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt.

2. Sau 2 năm kể từ khi tốt nghiệp, học sinh, sinh viên sư phạm không công tác trong ngành giáo dục hoặc công tác trong ngành giáo dục không đủ thời gian theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ phải hoàn trả khoản kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt. Thời gian phải hoàn trả tối đa bằng thời gian được đào tạo tại cơ sở đào tạo giáo viên.

3. Học sinh, sinh viên sư phạm đang trong thời gian học nhưng bỏ học, chuyển sang ngành đào tạo khác, tự thôi học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học phải hoàn trả toàn bộ kinh phí đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

4. Học sinh, sinh viên sư phạm bị đình chỉ học tập sẽ không được hưởng chính sách hỗ trợ trong thời gian bị đình chỉ.

Điều 8. Các chính sách ưu đãi khác

1. Học sinh, sinh viên sư phạm được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này đồng thời được hưởng các chính sách trợ cấp ưu đãi, trợ cấp xã hội, học bổng khuyến khích học tập, tín dụng sinh viên theo quy định.

2. Học sinh, sinh viên sư phạm dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban (không quá một lần) hoặc dừng học vì lý do khác không do kỷ luật hoặc tự thôi học sẽ được cơ sở đào tạo giáo viên xem xét tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ.

Điều 9. Mức tiền bồi hoàn, cách tính kinh phí bồi hoàn.

1. Mức tiền bồi hoàn bao gồm kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Tiền bồi hoàn được nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Học sinh, sinh viên sư phạm thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 7 của Nghị định này phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ. Cách tính kinh phí bồi hoàn theo công thức sau:

$$S = (F / T1) \times (T1 - T2)$$

Trong đó:

- S là kinh phí hoàn trả;
- F là khoản học phí và chi phí sinh hoạt được nhà nước hỗ trợ;
- T1 là tổng thời gian làm việc trong ngành giáo dục theo quy định được tính bằng số tháng làm tròn;
- T2 là thời gian đã làm việc trong ngành giáo dục được tính bằng số tháng làm tròn.

Điều 10. Thu hồi kinh phí bồi hoàn

Hàng năm, cơ sở đào tạo giáo viên thông báo danh sách, thông tin cá nhân và kết quả rèn luyện, học tập của học sinh, sinh viên sư phạm cho cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ để có trách nhiệm theo dõi và thu hồi kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt của đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 7 của Nghị định này.

Chương 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các bộ, ngành

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

- a) Chủ trì, phối hợp với các bộ ngành liên quan chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này;
- b) Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị định này đối với các cơ sở đào tạo giáo viên theo quy định.
- c) Chỉ đạo các cơ sở đào tạo giáo viên phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên sư phạm.

2. Bộ Tài chính

- a) Cân đối kinh phí cho các địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với học sinh, sinh viên sư phạm theo quy định của Nghị định này và Luật Ngân sách Nhà nước.
- b) Hướng dẫn các địa phương, lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách đối với kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định.

3. Bộ Nội vụ: Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng cơ chế tuyển dụng, bố trí việc làm cho học sinh, sinh viên sư phạm sau khi tốt nghiệp theo quy định.

4. Các bộ, ngành liên quan: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ)

1. Hàng năm, đánh giá thực trạng thừa thiếu giáo viên để lập kế hoạch đào tạo, bố trí ngân sách để thực hiện đặt hàng với cơ sở đào tạo giáo viên.

2. Đảm bảo kinh phí thực hiện Hợp đồng đặt hàng, giao nhiệm vụ với các cơ sở đào tạo giáo viên theo đúng định mức quy định tại Nghị định này.
3. Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định của Nghị định này tại địa phương; kiểm tra, giám sát việc thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện định kỳ hằng năm với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính.
4. Có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục thu hồi, theo dõi, đôn đốc, thu hồi tiền bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với các trường hợp phải bồi hoàn theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 7 của Nghị định này và xử lý các trường hợp không thực hiện việc bồi hoàn theo quy định của pháp luật.
5. Có trách nhiệm quy định cụ thể cơ chế tuyển dụng học sinh, sinh viên sư phạm tốt nghiệp theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này.
6. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, kinh phí hỗ trợ, tình hình tuyển dụng giáo viên của địa phương với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo giáo viên

1. Căn cứ chỉ tiêu đào tạo được giao, tuyển sinh đúng quy chế tuyển sinh theo quy định.
2. Đảm bảo chất lượng đào tạo và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên sư phạm theo quy định.
3. Định kỳ hằng năm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả học tập, rèn luyện và thời gian tốt nghiệp của học sinh, sinh viên sư phạm.
4. Thực hiện và thanh quyết toán kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định.
5. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về chất lượng đào tạo do đơn vị thực hiện.
6. Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả đào tạo, kinh phí hỗ trợ với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính.

Điều 14. Trách nhiệm của gia đình và người được cử đi đào tạo.

1. Chấp hành các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của các cơ sở đào tạo giáo viên; hoàn thành chương trình đào tạo theo ngành được cử đi học.
2. Gia đình, học sinh, sinh viên sư phạm phải đảm bảo công tác trong ngành giáo dục đủ thời gian quy định, trường hợp vi phạm thì phải bồi hoàn kinh phí theo quy định tại Nghị định này.
3. Có trách nhiệm cung cấp thông tin, giấy xác nhận hoặc tài liệu minh chứng liên quan của cơ quan có thẩm quyền xác nhận về thời gian công tác trong ngành giáo dục cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để quyết định xóa hoặc thu hồi khoản hỗ trợ.
4. Học sinh, sinh viên là đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 7 của Nghị định này có trách nhiệm nộp trả lại kinh phí ngân sách đã hỗ trợ cho cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ quy định tại Điều 10 để nộp trả ngân sách nhà nước theo quy định.

Chương 4

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Quy định chuyển tiếp

Học sinh, sinh viên sư phạm được tuyển sinh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được áp dụng theo quy định học sinh, sinh viên sư phạm không phải đóng học phí tại Điều 6 của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021 .

Điều 16. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020. Chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt cho học sinh, sinh viên theo học ngành đào tạo giáo viên quy định tại Nghị định này được thực hiện từ năm học 2020-2021.
2. Bãi bỏ quy định học sinh, sinh viên sư phạm không phải đóng học phí tại Điều 6 của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021.
3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b)

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc